

- Hoa đào đẹp, quả đào ngon.
- Đào được trồng nhiều ở các vùng núi phía Bắc nước ta, cây đào có thể cao tới 10 m (em ước lượng 10 m cao đến đâu).

CỦNG CỐ

GV có thể cho HS chơi “Truyền điện”.

Chia lớp thành hai nhóm, thay nhau trả lời kết quả các phép chia trong bảng chia 4.

MỘT PHẦN HAI, MỘT PHẦN BA, MỘT PHẦN TƯ, MỘT PHẦN NĂM

(2 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Nhận biết được $\frac{1}{2}$, $\frac{1}{3}$, $\frac{1}{4}$, $\frac{1}{5}$ thông qua các hình ảnh trực quan.
- Biết đọc $\frac{1}{2}$, $\frac{1}{3}$, $\frac{1}{4}$, $\frac{1}{5}$.
- Xác định được $\frac{1}{2}$, $\frac{1}{3}$, $\frac{1}{4}$, $\frac{1}{5}$ của một nhóm đối tượng bằng việc chia thành các phần đều nhau qua hình ảnh trực quan.

Lưu ý: Chưa dùng thuật ngữ *phân số* ở lớp 3.

2. Năng lực chủ trọng: tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt.

Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái.

B. Thiết bị dạy học

GV: Các mảnh bìa hình vuông, hình tam giác đều, hình tròn, hình chữ nhật.

HS: một mảnh giấy hình tròn, một tờ giấy hình vuông, bút màu.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

GV tổ chức cho hai HS một trò chơi, sau khi chơi các bạn được khen thưởng.

Khi khen thưởng, GV có thể dẫn dắt HS như sau:

- Lấy 1 cái bánh (GV và HS cùng lấy ra mảnh giấy hình tròn).
- Dùng cái bánh này thưởng đều cho hai bạn thì phải làm sao?
(HS và GV thao tác gấp đôi mảnh giấy, GV cắt mảnh giấy theo nếp gấp.)
- Hai phần này đã bằng nhau chưa? (Hai phần bằng nhau.)
- Mỗi bạn được mấy cái bánh? (Nửa cái bánh.)
- Một nửa cái bánh còn gọi là một phần hai cái bánh.



BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Giới thiệu $\frac{1}{2}$, $\frac{1}{3}$, $\frac{1}{4}$, $\frac{1}{5}$

a) Giới thiệu $\frac{1}{2}$

GV thực hiện theo trình tự sau:

- GV gắn miếng bìa hình vuông lên bảng.
- Gấp đôi miếng bìa rồi dùng bút kẻ theo đường gấp.

Hình vuông này được chia thế nào? (Chia thành hai phần bằng nhau.)

- GV tô màu (tương trưng) một phần (có thể dùng hình sau thay thế, biểu thị đã tô màu xong).

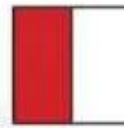
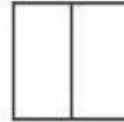
+ Đã tô màu mấy phần? (Một phần.)

+ Ta nói: Đã tô màu một phần hai hình vuông (vừa nói vừa viết bảng).

- HS nói:

Chia hình vuông thành hai phần bằng nhau,
tô màu một phần.

Ta đã tô màu một phần hai hình vuông.



$$\frac{1}{2}$$

Một phần hai
(một nửa)

b) Giới thiệu $\frac{1}{3}$, $\frac{1}{4}$, $\frac{1}{5}$

- GV gắn lần lượt các hình tam giác, hình tròn, hình vuông đã được tô màu lên bảng.
- Mỗi lần, HS nói theo mẫu câu:

Chia hình ... thành ... phần bằng nhau,
tô màu một phần.

Ta đã tô màu một phần ... hình ...

- GV viết (các phân số và cách đọc).



$$\frac{1}{2}$$

Một phần hai
(một nửa)



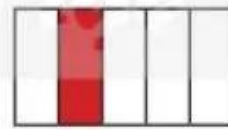
$$\frac{1}{3}$$

Một phần ba



$$\frac{1}{4}$$

Một phần tư



$$\frac{1}{5}$$

Một phần năm

c) Khái quát

- HS nói theo tay chỉ của GV, chẳng hạn:
 - + Một phần ba biểu thị phần tô màu trong hình tam giác.
 - + Một phần năm biểu thị phần tô màu trong hình chữ nhật.

- GV viết bảng: $\frac{1}{2}, \frac{1}{3}, \frac{1}{4}, \frac{1}{5}$ biểu thị phần tô màu trong mỗi hình.

Nhiều HS nhắc lại.

2. Thực hành

Bài 1:

HS **quan sát** hình trong SGK, **tim** xem hình nào được chia thành các phần bằng nhau.

- HS **nói** cho bạn bên cạnh nghe.
- HS **nói** cho cả lớp nghe.

Bài 2:

Nhóm hai HS **quan sát** hình trong SGK, **nói** theo mẫu.

Chia hình ... thành ... phần bằng nhau,
tô màu một phần.
Ta đã tô màu một phần ... hình

Bài 3:

Có thể tiến hành theo hình thức **Dạy học thông qua GQVD**.

HS hoạt động nhóm bốn.

Bước 1: **Tim hiểu vấn đề**

GV yêu cầu mỗi HS **lấy ra** một mảnh giấy hình vuông (đã được chuẩn bị trước) và chia mảnh giấy hình vuông đó thành bốn phần bằng nhau bằng cách **gấp** mảnh giấy.

Bước 2: **Lập kế hoạch**

HS **thảo luận** tìm cách gấp mảnh giấy.

Bước 3: **Tiến hành kế hoạch**

Các nhóm thực hiện **gấp** mảnh giấy. Một vài nhóm **trình bày** bài làm của nhóm mình. Có thể xảy ra một số cách gấp như sau:



Bước 4: **Kiểm tra lại**

GV nêu lại ba cách gấp để chia mảnh giấy hình vuông thành bốn phần bằng nhau.

HS **quan sát, nhận biết** mỗi mảnh giấy đã được chia thành bốn phần bằng nhau.

LUYỆN TẬP

Bài 1:

- HS đọc yêu cầu.
- HS **thực hiện** cá nhân rồi **chia sẻ** nhóm đôi.
- Khi sửa bài, HS **giải thích** vì sao đã tô màu $\frac{1}{5}$ hình A, $\frac{1}{5}$ hình C.

HS **nói** theo mẫu:

Chia hình ... thành ... phần bằng nhau,
tô màu một phần.
Đã tô màu một phần ... hình ...

Bài 2:

- HS nhóm đôi **đọc** yêu cầu rồi **nói** theo mẫu câu ở trên.
- Khi sửa bài, HS **giải thích** vì sao biết được $\frac{1}{3}$ số ô vuông đã tô màu.
 - + Hình A chia thành 3 ô vuông bằng nhau, tô màu 1 ô vuông nên đã tô màu $\frac{1}{3}$ số ô vuông.
 - + Hình B chia thành 3 cột bằng nhau, tô màu 1 cột nên đã tô màu $\frac{1}{3}$ số ô vuông.
 - + Hình C chia thành 3 hàng bằng nhau, tô màu 1 hàng nên đã tô màu $\frac{1}{3}$ số ô vuông.
 - + Hình D chia thành 4 cột bằng nhau, tô màu 1 cột nên đã tô màu $\frac{1}{4}$ số ô vuông.

Bài 3:

- HS nhóm đôi đọc yêu cầu rồi **nói** theo mẫu câu ở trên.
- Khi sửa bài, HS **giải thích** vì sao biết được $\frac{1}{2}$ số cúc áo đã được khoanh.
 - + Hình A chia thành 2 nhóm cúc áo bằng nhau, khoanh vào 1 nhóm nên đã khoanh vào $\frac{1}{2}$ số cúc áo.
 - + Hình B chia thành 3 nhóm cúc áo bằng nhau, khoanh vào 1 nhóm nên đã khoanh vào $\frac{1}{3}$ số cúc áo.
 - + Hình C chia thành 2 nhóm cúc áo bằng nhau, khoanh vào 1 nhóm nên đã khoanh vào $\frac{1}{2}$ số cúc áo.

Bài 4:

- HS **đọc** cá nhân yêu cầu rồi **nói** theo mẫu câu ở trên.
- Khi sửa bài, HS **giải thích** vì sao biết được $\frac{1}{4}$ số con vật đã được khoanh.

Hình B chia thành 4 nhóm (hay cột) con vật đều nhau, khoanh vào 1 nhóm nên đã khoanh vào $\frac{1}{4}$ số con vật.

CÙNG CỐ

GV có thể cho HS chơi “Đố em”.

GV đưa ra hai đoạn dây.

+ Nhóm thứ nhất **cắt** để được nửa đoạn dây.

+ Nhóm thứ hai **cắt** để được $\frac{1}{4}$ đoạn dây.

NHÂN NHẨM, CHIA NHẨM

(1 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Thực hiện được:

- Nhân nhẩm các số tròn trăm, tròn chục với số có một chữ số.
- Chia nhẩm các số tròn trăm, tròn chục cho số có một chữ số.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống.

Phẩm chất: trách nhiệm, trung thực.

B. Thiết bị dạy học

GV: 6 bảng trăm và 12 thanh chục.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

Múa hát tập thể tạo không khí lớp học vui tươi.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

– GV giới thiệu bài qua việc nói công dụng của tính nhẩm.

Trong cuộc sống, thường ta không mang theo giấy, bút để làm tính. Khi mua bán, ta phải tính toán ở trong đầu. Đó là tính nhẩm.

Tính nhẩm giúp ta giải quyết được nhiều công việc hằng ngày.

1. Nhân nhẩm, chia nhẩm các số tròn trăm

a) Nhân nhẩm

– GV vừa hỏi vừa viết lên bảng, HS trả lời:

$$4 \text{ kg} \times 2 = ? \text{ (8 kg)}$$

$$5 \text{ m} \times 3 = ? \text{ (15 m)}$$

$$2 \text{ trăm} \times 3 = ? \text{ (6 trăm)}$$

– GV: $200 \times 3 = ?$, ta viết kết quả là số nào? (600)

$$200 \times 3 = 600 \text{ (theo tay chỉ của GV, HS đọc "hai trăm nhân ba bằng sáu trăm").}$$

– HS **quan sát** hình ảnh trực quan, **đối chứng** kết quả.

– HS **thực hành** trên bảng con.

$$400 \times 2 = 800$$

$$300 \times 3 = 900$$

b) Chia nhẩm

– $600 : 3 = ?$

(GV: Sáu trăm chia ba bằng bao nhiêu?)

HS **viết** ra bảng con $600 : 3 = 200$ và **nói**: Sáu trăm chia ba bằng hai trăm).